

# TÁC ĐỘNG CỦA GIÁO DỤC KHỞI NGHIỆP VÀ NHÂN TỐ BỐI CẢNH ĐẾN Ý ĐỊNH KHỞI NGHIỆP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

THE IMPACTS OF ENTREPRENEURSHIP EDUCATION AND CONTEXTUAL FACTORS ON ENTREPRENEURSHIP INTENTION OF STUDENT'S HANOI UNIVERSITY OF INDUSTRY

Lê Ba Phong

## TÓM TẮT

Mục đích của nghiên cứu đánh giá những tác động của giáo dục khởi nghiệp và nhân tố bối cảnh đến ý định khởi nghiệp của sinh viên trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Nghiên cứu được thực hiện dựa trên việc thu thập và phân tích số liệu từ 218 sinh viên trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Các phương pháp kiểm định Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA) và hồi quy tuyến tính được sử dụng nhằm kiểm tra độ tin cậy của thang đo và mối quan hệ của các nhân tố trong mô hình nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu cho thấy giáo dục khởi nghiệp, những ý kiến đánh giá của người thân và quan điểm xã hội đều tạo ra những tác động tích cực đến ý định khởi nghiệp của sinh viên. Kết quả nghiên cứu nhấn mạnh sự cần thiết phải tăng cường công tác giáo dục khởi nghiệp trong nhà trường và xem đây là giải pháp có nghĩa quan trọng nhất để khơi dậy tinh thần khởi nghiệp của sinh viên trường Đại học Công nghiệp Hà Nội nói riêng và sinh viên cả nước nói chung.

**Từ khóa:** Ý định khởi nghiệp; giáo dục khởi nghiệp; sinh viên; Đại học Công nghiệp Hà Nội.

## ABSTRACT

The study aims to investigate the impacts of entrepreneurship education and contextual factors on entrepreneurship intention of student's Hanoi University of Industry. This study is implemented based on the data collected from 218 students of Hanoi University of Industry. The Cronbach's Alpha, exploratory factor analysis (EFA) and linear regression analysis were applied to examine the reliability of measurements and calculate the relationship among the factors in the research model. The research findings indicated that entrepreneurship education, evaluation of relatives and social valuation have significant and positive effects on entrepreneurship intention of student's Hanoi University of Industry. The findings highlight the important role of enhancing entrepreneurship education as the key solution to improve the intention to business start-up of student's Hanoi University of Industry.

**Keywords:** Entrepreneurship intention; student; entrepreneurship education; Hanoi University of Industry.

Khoa Du lịch, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Email: lbp\_vn@yahoo.com

Ngày nhận bài: 08/7/2020

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 06/12/2020

Ngày chấp nhận đăng: 23/12/2020

## 1. GIỚI THIỆU

Hoạt động khởi nghiệp đang ngày càng có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế quốc gia, đặc biệt là thông qua tạo việc làm và tăng tính đa dạng cho nền kinh tế [1]. Thúc đẩy ý định và hành vi khởi nghiệp của sinh viên được xem là giải pháp quan trọng để tạo động lực cho sự phát triển kinh tế của nhiều quốc gia nổi tiếng trong hoạt động khởi nghiệp như Israel, Mỹ, Đức, Anh [1, 2]. Giáo dục khởi nghiệp đang là bước đi quan trọng trong công tác thúc đẩy khởi nghiệp của mỗi quốc gia. Hiểu được tầm quan trọng của giáo dục khởi nghiệp, Việt Nam đã có những động thái tích cực thúc đẩy phát triển giáo dục khởi nghiệp bằng việc ban hành Quyết định số 1665/QĐ-TTg phê duyệt đề án "Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025" [3]. Thực hiện nghị quyết của Đảng và Chính phủ ngày càng có nhiều trường đại học hưởng ứng tổ chức các cuộc thi khởi nghiệp, các hoạt động thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp và phát triển các môn học liên quan đến khởi nghiệp trong hoạt động giáo dục đào tạo. Bên cạnh đó, các đề tài nghiên cứu về nhân tố tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên tại các tỉnh thành và trường đại học cũng xuất hiện nhằm mục đích khám phá và đánh giá sự ảnh hưởng của chúng đến ý định khởi nghiệp sinh viên nhằm đưa ra những giải pháp hữu hiệu để thúc đẩy hành vi khởi nghiệp trong tương lai của sinh viên khi ra trường.

Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội là một trường đại học lớn với gần 30.000 sinh viên đang học tập thuộc 38 ngành nghề thì hoạt động giáo dục tại đây có ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng nhân lực của đất nước. Với sứ mệnh cung cấp dịch vụ giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, tư vấn, ứng dụng và chuyển giao công nghệ đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, trường Đại học Công nghiệp Hà Nội không chỉ hướng tới mục tiêu cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho thị trường lao động trong nước và quốc tế mà còn hướng tới khơi dậy và cung cấp cho đất nước một đội ngũ doanh nhân có kiến thức và khát khao khởi nghiệp để mang lại sự phồn vinh cho đất nước. Hiểu được sứ mệnh

quan trọng của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, tập thể lãnh đạo nhà trường và giảng viên đã không ngừng nghiên cứu, giảng dạy và thực hiện nhiều hoạt động có ý nghĩa nhằm thúc đẩy ý tưởng khởi nghiệp cho sinh viên như: tăng cường công tác giáo dục khởi nghiệp, phát động các cuộc thi khởi nghiệp, xây dựng ý tưởng kinh doanh, và các hoạt động nghiên cứu.

Để trả lời cho câu hỏi: (1) *Giáo dục khởi nghiệp tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội đã ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên như thế nào?* và (2) *Nhân tố nào có ảnh hưởng quan trọng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên trường Đại học Công nghiệp Hà Nội?* Tác giả đã thực hiện nghiên cứu tác động giáo dục khởi nghiệp và nhân tố bối cảnh đến ý định khởi nghiệp của sinh viên trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

Nghiên cứu được kỳ vọng sẽ cung cấp những cơ sở lý luận về các nhân tố tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên, đồng thời là cơ sở khoa học cho việc hoạch định các chính sách tạo lập môi trường tích cực và các giải pháp phù hợp thúc đẩy tinh thần và ý định khởi nghiệp của sinh viên. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng giáo dục khởi nghiệp có vai trò quyết định đến ý định khởi nghiệp của sinh viên và nhấn mạnh tầm quan trọng của việc phát huy tối đa nguồn lực trẻ và trí tuệ của sinh viên vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

## 2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT

### 2.1. Mối quan hệ giữa giáo dục khởi nghiệp và ý tưởng khởi nghiệp

Ý định là trạng thái nhận thức ngay trước khi thực hiện một hành vi, nó đại diện cho mức độ cam kết về hành vi sẽ thực hiện trong tương lai. Gupta và Bhawe [4] cho rằng ý định khởi nghiệp là một quá trình định hướng việc lập kế hoạch, triển khai tạo lập doanh nghiệp và thường bắt đầu từ việc họ nhận ra cơ hội, tận dụng các nguồn lực có sẵn và sự hỗ trợ của môi trường để tạo lập doanh nghiệp của riêng mình.

Ý định khởi nghiệp sinh viên là xuất phát từ các ý tưởng từ chính họ, được định hướng đúng đắn từ chương trình giáo dục và những người đào tạo [5]. Như vậy, nhiệm vụ của giáo dục khởi nghiệp là giáo dục, bồi dưỡng năng lực, kỹ xảo và các phẩm chất cá nhân như tính sáng tạo, tính đổi mới, tính cách tân cho các thế hệ trẻ.

Mối quan hệ và tác động tích cực của giáo dục khởi nghiệp đối với ý định khởi nghiệp của sinh viên được nghiên cứu bởi nhiều tác giả [6, 7]. Cụ thể, ở cấp đại học, vai trò chính của giáo dục khởi nghiệp là tăng cường nhận thức của sinh viên và làm nổi bật con đường khởi nghiệp như một lựa chọn khả năng nghề nghiệp khả thi [8]. Môi trường giáo dục tinh thần khởi nghiệp và ý định kinh doanh có mối liên kết tích cực với nhau. Fayolle và Gailly [9] đã khám phá ra sức ảnh hưởng của các chương trình giáo dục khởi nghiệp đến ý định khởi nghiệp của sinh viên. Kết quả nghiên cứu cho thấy, những người tham gia giáo dục khởi nghiệp có xu hướng khởi nghiệp cao hơn so với những người không tham gia. Tuy nhiên, giáo dục khởi

ngiệp tại Việt Nam sẽ có những khác biệt nhất định, do vậy cần có nghiên cứu về mức độ ảnh hưởng của chương trình giáo dục khởi nghiệp đối với ý định khởi nghiệp trong sinh viên nhằm có giải pháp thích hợp. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất giả thuyết sau:

*H1: Giáo dục khởi nghiệp có tác động tích cực đến ý định của sinh viên trường Đại học Công nghiệp Hà Nội (GDKN).*

Gia thuyết này hàm ý rằng, các trường đại học cung cấp cho sinh viên càng nhiều kiến thức khởi nghiệp, có nhiều hoạt động khuyến khích sinh viên mạnh dạn khởi nghiệp, môi trường học tập tại trường truyền cảm hứng cho sinh viên khởi nghiệp... thì ý định khởi nghiệp của sinh viên càng cao.

### 2.2. Mối quan hệ giữa ảnh hưởng của người thân và ý định khởi nghiệp

Nghiên cứu của Pablo-Lerchundi và cộng sự năm 2015 [10] và Morales-Alonso và cộng sự năm 2016 [11] đã nghiên cứu về sự ảnh hưởng của nghề nghiệp cha mẹ đối với sự lựa chọn nghề nghiệp của con cái đã đưa ra nhận xét: Cha mẹ tự kinh doanh là tấm gương điển hình về khởi nghiệp và thúc đẩy ý định khởi nghiệp cho con cái. Trong khi, cha mẹ làm việc cho các tổ chức công lại không phải là tấm gương khởi nghiệp cho con cái, cản trở ý định khởi nghiệp. Hầu hết, con cái của những người làm việc trong các tổ chức công sẽ được giáo dục và định hướng tư tưởng làm công ăn lương, công việc mang tính ổn định không có nhiều khó khăn, thử thách. Ngược lại, con cái của những người tự kinh doanh luôn nhận được giáo dục về khởi nghiệp và mạo hiểm kinh doanh, chấp nhận gian nan, thử thách để đi tới thành công.

Theo nghiên cứu của Morales-Alonso và cộng sự năm 2016 [11], nhiều doanh nhân có những kinh nghiệm từ cha hoặc mẹ làm kinh doanh. Người con sẽ lấy tấm gương của cha mẹ làm động lực để cố gắng và là mục tiêu, nó thôi thúc họ phải đạt được sự nghiệp như bố mẹ mình. Nhìn nhận của cá nhân về tính hấp dẫn của khởi sự kinh doanh chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi sự ủng hộ của những người gần gũi như người thân, bạn bè và những người họ cho là quan trọng [12]. Từ đó, nghiên cứu đề xuất giả thuyết sau:

*H2: Ảnh hưởng của người thân có ảnh hưởng tích cực đến ý định khởi nghiệp của sinh viên trường Đại học Công nghiệp Hà Nội (AHNT).*

### 2.3. Mối quan hệ giữa ảnh hưởng của xã hội và ý định khởi nghiệp

Sesen [13] đã nghiên cứu và phân tích sâu hơn mô hình Schwarz và các cộng sự [5] ở khía cạnh các yếu tố môi trường bao gồm "thông tin kinh doanh", "mối quan hệ xã hội", "môi trường khởi nghiệp ở trường đại học". Kết quả cho thấy ngoại trừ các yếu tố "khả năng tiếp cận vốn", "môi trường khởi nghiệp ở trường đại học", các yếu tố còn lại như "thông tin kinh doanh", "mối quan hệ xã hội", "môi trường khởi nghiệp ở trường đại học", tác động tích cực đến "ý định khởi nghiệp".

Nghiên cứu "Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành Quản trị kinh doanh tại

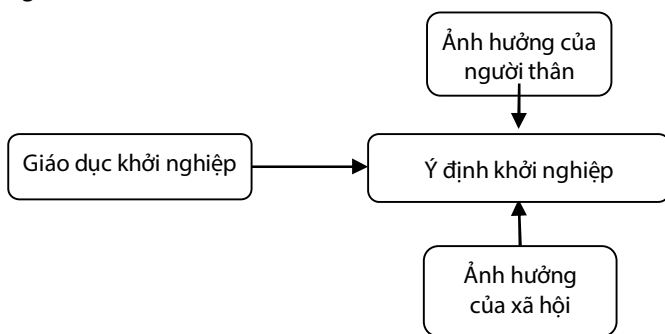
các trường đại học ở thành phố Cần Thơ” của Nguyễn Quốc Nghi và cộng sự năm 2016 [14], đã chỉ ra rằng chính sách của chính phủ và địa phương là tác động tích cực đến ý định khởi nghiệp của sinh viên.

Chính sách của Nhà nước giữ vai trò quyết định trong việc tạo môi trường kích thích những ý định tích cực và thúc đẩy chúng thành hành động khởi nghiệp. Khoảng cách từ ý định đến hành động khởi nghiệp ngắn hay dài là phụ thuộc vào hoàn cảnh kinh tế, xã hội của từng quốc gia. Quá trình khởi nghiệp bắt nguồn từ những ý định được ấp ủ trong môi trường sống gia đình, cộng đồng. Tại đây chứa đựng những tác nhân hình thành ý định khởi nghiệp. Nhà nước có vai trò trong việc tạo lập môi trường thúc đẩy khởi nghiệp sao cho việc gia nhập hoặc rời khỏi thị trường dễ dàng và ít gặp các rủi ro về pháp lý cần được xem là nguyên tắc xuyên suốt.

Ngoài việc có một chính sách tốt, một môi trường văn hóa phù hợp cho hoạt động khởi nghiệp thì cái nhìn của xã hội đối với hoạt động khởi nghiệp cũng rất là quan trọng. Việc trở thành doanh nhân có được đánh giá cao hay không? Mọi người có xem trọng những người khởi nghiệp hay không? Và việc khởi nghiệp có mang lại gì cho đất nước hay không? Là những điều mà mỗi người có ý định khởi nghiệp đều quan tâm. Những vị doanh nhân trẻ, tự thân khởi nghiệp được tuyên dương, việc xem trọng những con người như vậy sẽ thôi thúc mỗi sinh viên ngày càng mong muốn khởi nghiệp. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất giả thuyết sau:

H3: Ảnh hưởng của xã hội có ảnh hưởng tích cực đến ý định khởi nghiệp của sinh viên trường Đại học Công nghiệp Hà Nội (AHXH).

Căn cứ vào những lập luận trên, tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu như hình 1.



Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

### 3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu, tác giả sử dụng hài hòa cả phương pháp định tính và định lượng. Trong đó, với phương pháp định tính, tác giả tiến hành thu thập, tổng hợp, một cách có hệ thống các tài liệu, các công trình nghiên cứu có liên quan đến các biến nghiên cứu trong mô hình nghiên cứu, từ đó tiến hành phân tích phản ánh và rút ra bản chất, mối liên hệ giữa các nhân tố. Bên cạnh đó, để đưa ra bằng chứng xác thực về mối quan hệ giữa các biến số trong mô hình nghiên cứu, tác giả cũng sử dụng phương

pháp định lượng thông qua việc thu thập số liệu bảng hỏi và tiến hành phân tích xử lý số liệu trên phần mềm thống kê SPSS phiên bản 22.

#### 3.1. Mẫu nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp khảo sát thông qua bảng hỏi để thu thập dữ liệu sơ cấp. Các biến quan sát được phát triển dựa các nghiên cứu có trước được tác giả sưu tập và sử dụng để đo lường các nhân tố trong mô hình nghiên cứu hiện tại. Tác giả đã thực hiện chỉnh sửa thang đo và thực hiện khảo sát thử với 15 bạn sinh viên trong trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Để thu thập dữ liệu, nhóm tác giả chủ yếu thực hiện bằng cách phát phiếu khảo sát trực tiếp đến các bạn sinh viên trong trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

Mẫu nghiên cứu được thực hiện theo phương pháp lựa chọn mẫu ngẫu nhiên đến từ các bạn sinh viên trường Đại học Công nghiệp Hà Nội ở tất cả các ngành trong trường. Tác giả đã phát 250 phiếu và thu về được 250 phiếu trong đó có 218 phiếu hợp lệ để đưa vào phân tích. Theo Hair & cộng sự [15], kích thước mẫu phải lớn hơn 5 lần số biến quan sát. Trong nghiên cứu của tác giả, có 20 biến quan sát cho việc đo lường 4 nhân tố, do đó số phiếu đảm bảo là  $20 \times 5 = 100$ , do đó với 218 phiếu, nghiên cứu đã đảm bảo tốt tiêu chuẩn để thực hiện phân tích hồi quy.

#### 3.2. Đo lường

Để đo lường các nhân tố trong mô hình nghiên cứu, tác giả sử dụng các thang đo lấy từ các nghiên cứu có uy tín và độ tin cậy. Các biến quan sát được đo lường bằng thang đo Likert năm mức độ (với 1: Hoàn toàn không đồng ý, 2: Không đồng ý, 3: Bình thường, 4: Đồng ý và 5: Hoàn toàn đồng ý). Thang đo các nhân tố trong mô hình nghiên cứu được trình bày trong bảng 1.

Bảng 1. Thang đo các nhân tố trong mô hình nghiên cứu

Tên biến	Biến quan sát	Nguồn
<b>Ý định khởi nghiệp</b>		
YDKN1	Tôi sẵn sàng làm mọi thứ để trở thành một doanh nhân	[16]
YDKN2	Tôi sẽ cố gắng hết sức để bắt đầu doanh nghiệp của riêng mình	
YDKN3	Mục tiêu nghề nghiệp của tôi là trở thành một doanh nhân	[6]
YDKN4	Tôi nỗ lực để bắt đầu khởi nghiệp ngay khi còn học ở trường	
YDKN5	Tôi có ý định khởi nghiệp cao	Tác giả
<b>Giáo dục khởi nghiệp</b>		
GDKN1	Trường tôi có những học phần cung cấp những kiến thức về môi trường doanh nhân	[6]
GDKN2	Trường tôi có những học phần cho thấy sự công nhận về tầm quan trọng của doanh nhân	
GDKN3	Trường tôi có những môn học khơi dậy sở thích trở thành một doanh nhân đối với sinh viên	
GDKN4	Trường tôi có những học phần trang bị những kiến thức và khả năng cần thiết để trở thành một doanh nhân	
GDKN5	Trường tôi có những học phần khơi dậy ý định trở thành doanh nhân của sinh viên	

GDKN6	Trường tôi đang học là nơi lý tưởng để học về khởi nghiệp kinh doanh	[17]
GDKN7	Trường tôi có rất nhiều hoạt động khuyến khích sinh viên mạnh dạn khởi nghiệp	
GDKN8	Các học phần ở trường giúp tôi hiểu được môi trường kinh doanh thực tế	[18]
<b>Ảnh hưởng của người thân</b>		
AHNT1	Gia đình tôi đánh giá cao hoạt động kinh doanh hơn các hoạt động và sự nghiệp khác	[6]
AHNT2	Bạn bè tôi đánh giá cao hoạt động kinh doanh hơn các hoạt động và sự nghiệp khác	
AHNT3	Những đồng nghiệp của tôi đánh giá cao việc khởi nghiệp hơn những việc khác	
<b>Ảnh hưởng của xã hội</b>		
AHXH1	Ở Việt Nam, vai trò của doanh nhân trong nền kinh tế được đánh giá cao.	[6]
AHXH2	Ở Việt Nam, có nhiều chính sách hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp.	
AHXH3	Ở Việt Nam, hoạt động khởi nghiệp được xem là đáng giá.	
AHXH4	Văn hóa ở Việt Nam rất thuận lợi cho hoạt động khởi nghiệp	

Cụ thể, tác giả sử dụng hai biến quan sát của [16], 02 biến của [6] và 01 biến tác giả tự đề xuất để đo lường ý định khởi nghiệp của sinh viên. Với thang đo “Giáo dục khởi nghiệp”, nhóm tác giả đã sử dụng 05 biến của [6], 02 biến quan sát của [17], 01 biến của [18]. Tác giả sử dụng 07 biến quan sát của [6] để đo lường hai khía cạnh ảnh hưởng của người thân và ảnh hưởng của xã hội.

**4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN**

**4.1. Kết quả phân tích Cronbach’s Alpha và phân tích nhân tố khám phá EFA**

Để xác định độ tin cậy của các chỉ báo trong việc đo lường các nhân tố, kết quả thống kê (bảng 2), Cronbach’s

Alpha của các thang đo dao động từ 0,665 đến 0,843 đều lớn hơn 0,6 và các hệ số tương quan biến tổng đều lớn hơn 0,3 đảm bảo được yêu cầu về độ tin cậy để đo lường các nhân tố.

Bảng 2. Thống kê mô tả và độ tin cậy của mô hình đo lường

Các cấu trúc	Mean	SD	Item	Loading	C $\alpha$
Ý định khởi nghiệp	3,36	0,70	YDKN1	0,685	0,843
			YDKN2	0,789	
			YDKN3	0,852	
			YDKN4	0,763	
			YDKN5	0,837	
Giáo dục khởi nghiệp	3,44	0,53	GDKN1	0,757	0,760
			GDKN2	0,748	
			GDKN3	0,668	
			GDKN4	0,717	
			GDKN5	0,667	
			GDKN6	0,840	
			GDKN7	0,841	
			GDKN8	0,855	
Ảnh hưởng của người thân	3,10	0,72	AHNT1	0,848	0,767
			AHNT2	0,720	
			AHNT3	0,848	
Ảnh hưởng của xã hội	3,39	0,64	AHXH1	0,730	0,665
			AHXH2	0,709	
			AHXH3	0,653	
			AHXH4	0,656	

Tác giả tiếp tục thực hiện phân tích nhân tố khám phá (EFA) nhằm đánh giá tính hội tụ và phân biệt của các cấu trúc. Cụ thể, với kết quả phân tích EFA, kết quả phân tích cho thấy Hệ số tải nhân tố (Factor loadings) đều nằm trong khoảng 0,653 đến 0,848 (bảng 2) đã thỏa mãn điều kiện  $\geq 0,5$  [15]. Bảng 3 cho thấy: Kiểm định Bartlett có ý nghĩa thống kê (Sig. < 0,05) với hệ số KMO = 0,853 (lớn hơn 0 và nhỏ hơn 1) chứng tỏ các biến quan sát có mối tương quan với nhau trong tổng thể.

Bảng 4. Tổng phương sai trích (Total Variance Explained)

Component	Initial Eigenvalues			Extraction Sums of Squared Loadings			Rotation Sums of Squared Loadings		
	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %
1	3,787	25,250	25,250	3,787	25,250	25,250	2,645	17,634	17,634
2	2,000	13,334	38,584	2,000	13,334	38,584	2,220	14,803	32,437
3	1,827	12,182	50,766	1,827	12,182	50,766	2,106	14,037	46,474
4	1,405	9,366	60,132	1,405	9,366	60,132	2,049	13,658	60,132
5	0,916	6,105	66,237						
6	0,787	5,249	71,487						
7	0,690	4,598	76,085						
8	0,681	4,539	80,624						
9	0,576	3,838	84,462						
10	0,536	3,571	88,033						
11	0,420	2,798	90,830						
12	0,395	2,631	93,462						
13	0,341	2,274	95,736						
14	0,333	2,217	97,953						
15	0,307	2,047	100,000						

Bảng 3. Kiểm định KMO và Bartlett

Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		0,853
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	424,206
	Df	10
	Sig.	0,000

Bảng 4 cho thấy: % tổng phương sai trích là 60,132 > 50% và  $p < 0,05$  ứng với 4 nhân tố được giữ lại trong mô hình.

Nhìn chung các kết quả phân tích từ bảng 2 ÷ 4 cho thấy mô hình nghiên cứu đảm bảo giá trị hội tụ và phân biệt.

**4.2. Kết quả phân tích hồi quy**

Kết quả phân tích hồi quy bội (bảng 5) cho thấy mô hình xây dựng là phù hợp có ý nghĩa thống kê  $F = 31,227$  và  $p < 0,05$ . Các yếu tố trong mô hình có thể giải thích được 29,5% ý định khởi nghiệp của sinh viên. Mô hình không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến, hiện tượng tương quan hay phân dư phân phối chuẩn.

Bảng 5. Kết quả phân tích hồi quy

Mô hình	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	T	Sig.	Thống kê đa cộng tuyến	
	B	Sai số chuẩn	Beta			Dung sai	VIF
1 (Hằng số)	0,413	0,315		1,310	0,192		
GDKN	0,390	0,080	0,293	4,852	0,000	0,891	1,123
AHNT	0,229	0,060	0,236	3,814	0,000	0,848	1,179
AHXH	0,264	0,066	0,241	4,007	0,000	0,900	1,111

Biến phụ thuộc: YDKN

Kết quả thống kê phân tích các hệ số hồi quy trong bảng 5 cho thấy các giá trị ở cột sig đều nhỏ hơn 5% chứng tỏ rằng 3 biến độc lập GDKN, AHNT, AHXH đều tác động có ý nghĩa thống kê đến biến phụ thuộc YDKN. Nghĩa là các giả thuyết H1, H2, H3 đều được chấp nhận. Dựa vào bảng kết quả hồi quy tuyến tính (bảng 5), ta có phương trình hồi quy tuyến tính bội chuẩn hóa sau:

$$YDKN = 0,293.GDKN + 0,236.AHNT + 0,241.AHXH$$

**4.3. Kiểm định sự khác biệt**

Nghiên cứu sử dụng kiểm định Independent sample T-test và Anova để kiểm định sự khác nhau trong ý định khởi nghiệp sinh viên có giới tính, năm học, ngành học và khu vực sống. Sau khi thực hiện kiểm định, cho thấy giữa sinh viên Nam và sinh viên Nữ, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội không có sự khác biệt về ý định khởi nghiệp; nhưng theo ngành học thì kết quả kiểm định cho thấy sinh viên kinh tế có ý định khởi nghiệp cao hơn sinh viên ngành kỹ thuật. Đồng thời kết quả cho thấy có sự khác biệt về ý định khởi nghiệp theo số năm theo học của sinh viên, cụ thể sinh viên năm 3 và năm 4 có ý định khởi nghiệp cao hơn vì họ có cơ hội tiếp xúc với nhiều hoạt động và các môn học hơn. Còn về khu vực sống vì các vùng nông thôn đã có thể tiếp cận với nhiều thông tin nhờ tốc độ phát triển của Internet dẫn đến việc khởi nghiệp với họ không còn xa lạ, thậm chí ý định khởi nghiệp của các bạn sinh viên từ nông thôn cũng ngày càng nhiều lên.

**4.4. Thảo luận**

Nhân tố giáo dục khởi nghiệp (GDKN) có hệ số hồi quy  $\beta = 0,293$  và mang dấu dương nên có quan hệ thuận chiều với nhân tố ý định khởi nghiệp, thỏa mãn với kỳ vọng ban đầu và đây là nhân tố có tác động mạnh nhất trong 3 nhân tố trên. Như vậy, với giả định các yếu tố khác không đổi, nếu sinh viên được học tập trong một môi trường lý tưởng để học về khởi nghiệp, được cung cấp những kiến thức cơ bản về khởi nghiệp, tham gia các hoạt động khuyến khích khởi nghiệp, kích thích sự mạnh dạn ngay từ khi còn ở ghế nhà trường, được truyền cảm hứng khởi nghiệp thì tỷ lệ dự định khởi nghiệp của sinh viên sẽ tăng lên (tỷ lệ tăng tương ứng 1:0,293 đơn vị).

Nhân tố có tác động mạnh thứ 2 trong mô hình là ảnh hưởng của xã hội (AHXH) với hệ số hồi quy  $\beta = 0,241$  và mang dấu dương thể hiện tác động thuận chiều với nhân tố ý định khởi nghiệp (YDKN). Với giả định các điều kiện khác không đổi, kết quả nghiên cứu thể hiện rằng nếu vai trò doanh nhân trong xã hội ngày càng được đánh giá cao cùng với những chính sách thuận lợi cho khởi nghiệp thì mong muốn khởi nghiệp của sinh viên sẽ tăng lên (tỷ lệ tăng tương ứng 1: 0,241 đơn vị).

Tiếp đến sự ảnh hưởng của người thân (AHNT), với hệ số hồi quy 0,236 không chênh lệch nhiều so với ảnh hưởng của xã hội (AHXH), hệ số hồi quy mang dấu dương thể hiện tác động thuận chiều với nhân tố ý định khởi nghiệp, thỏa mãn với kỳ vọng ban đầu của tác giả. Có thể thấy, với giả định các yếu tố khác không đổi, nếu gia đình, bạn bè, đồng nghiệp và những người xung quanh ngày đánh giá cao hoạt động khởi nghiệp và xem trọng vai trò này thì sẽ có tác động tích cực, thúc đẩy ý định khởi nghiệp của sinh viên (tỷ lệ tăng tương ứng 1: 0,236 đơn vị).

**5. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ**

Kết quả nghiên cứu cho thấy các nhân tố giáo dục khởi nghiệp, ảnh hưởng của người thân, hay ảnh hưởng của xã hội đều có ảnh hưởng và tác động tích cực đến ý định khởi nghiệp của sinh viên. Đặc biệt, kết quả nghiên cứu nhấn mạnh vai trò của giáo dục khởi nghiệp đối với ý định khởi nghiệp của sinh viên, nhân tố này sự tác động tích cực và mạnh nhất đến ý định khởi nghiệp so với 02 nhân tố còn lại. Lý do cơ bản giải thích cho kết quả nghiên cứu này đó là: ý định khởi nghiệp của sinh viên có thể đã nhen nhóm hình thành trong quá trình sống và trưởng thành của sinh viên dưới tác động và ảnh hưởng của gia đình và xã hội. Tuy nhiên trong môi trường giáo dục đại học, khi sinh viên đã trưởng thành và có nhận thức sâu sắc hơn, đồng thời, cơ hội tiếp cận, lĩnh hội và được trang bị một cách có hệ thống những kiến thức về khởi nghiệp trong nhà trường đã mở ra và giúp sinh viên nhìn nhận rõ ràng hơn về định hướng, con đường khởi nghiệp và có ý định, động lực khởi nghiệp mạnh mẽ hơn. Nói cách khác giáo dục khởi nghiệp có tác động tích cực và quyết định đến ý định khởi nghiệp của sinh viên. Kết quả nghiên cứu là có sự tương đồng với một số nghiên cứu trước đây [7, 18], đã khẳng định vai trò quan trọng và sự cần thiết phải quan tâm đến việc đẩy mạnh các hoạt động giáo

dục khởi nghiệp nhằm khơi dậy ý định khởi nghiệp và hành vi khởi nghiệp trong tương lai của sinh viên.

Dựa trên kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất một số khuyến nghị nhằm thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp cho sinh viên trường Đại học Công nghiệp Hà Nội như sau:

*Thứ nhất*, làm công tác truyền thông để sinh viên trong trường biết đến học phần “Khởi sự kinh doanh” trong chương trình giảng dạy của nhà trường, nên mở rộng là môn học tự chọn đối với các bạn sinh viên ngành kỹ thuật.

*Thứ hai*, đẩy mạnh công tác giáo dục, tuyên truyền, nâng cao ý thức khởi nghiệp và tinh thần doanh nhân cho sinh viên. Tạo các diễn đàn, kênh thông tin dành riêng cho sinh viên trao đổi các vấn đề về kinh doanh và khởi nghiệp trên các phương tiện thông tin của trường như website, đài phát thanh, fanpage,... Tổ chức các cuộc thi về ý tưởng kinh doanh nhằm phát huy khả năng sáng tạo, thu hút được sự quan tâm của sinh viên.

*Thứ ba*, tăng cường các hoạt động ngoại khóa hội nghị và hội thảo về kinh doanh. Các hoạt động ngoại khóa là phương thức tăng cường phát triển năng lực kinh doanh và mong muốn kinh doanh của sinh viên rất hiệu quả. Thường xuyên tổ chức ngày hội việc làm, ngày hội kinh doanh, tăng cường mời các chuyên gia, các CEO tự thân đến chia sẻ kinh nghiệm và truyền cảm hứng khởi nghiệp cho sinh viên. Nhà trường cũng cần quan tâm đến việc triển khai và có các chính sách hỗ trợ phù hợp để đưa các dự án của sinh viên đi vào thực tế, là cầu nối để tìm kiếm nhà đầu tư rót vốn cho các dự án tiềm năng của sinh viên.

*Thứ tư*, các phương tiện thông tin đại chúng và chính quyền địa phương cần có sự tuyên truyền mạnh mẽ giúp tất cả người dân và bản thân mỗi gia đình có cái nhìn đúng đắn, tích cực và lợi ích của hành vi khởi nghiệp đối với sự phát triển của xã hội. Làm tốt công tác này sẽ giúp cho sinh viên nhận được sự ủng hộ tích cực và thiết thực của người thân và gia đình. Nhờ đó sinh viên sẽ có nhiều cơ hội để hiện thực hóa ý định khởi nghiệp của mình khi họ có những ý tưởng và dự án khởi nghiệp tốt.

*Cuối cùng*, mặc dù Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1665/QĐ-TTg ngày 30/10/2017 phê duyệt Đề án “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025” [3] với mục tiêu là: trang bị các kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp nhằm thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp của sinh viên, đồng thời tạo môi trường thuận lợi để khơi dậy sự hình thành và hiện thực hóa các ý tưởng, dự án khởi nghiệp của sinh viên, góp phần tạo việc làm cho sinh viên ngay sau khi tốt nghiệp. Tuy nhiên chủ trương này cần được thể chế, hiện thực hóa và được sự chung tay ủng hộ của tất cả các bên liên quan như: các nhà đầu tư, hệ thống ngân hàng, cơ quan thuế... nhằm hỗ trợ về công nghệ, vốn, thuế phí... cho những dự án khởi nghiệp tiềm năng của sinh viên, đặc biệt trong những năm đầu khởi nghiệp.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Ngọc N.T.T., 2018. *Nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi sự kinh doanh của sinh viên khối ngành kinh tế tại trường Đại học Quảng Bình*. Tạp chí Khoa học và Công nghệ, 7(1).

[2]. Lâm T.K.L, Huỳnh L.D.T., 2018. *Kinh nghiệm giáo dục khởi nghiệp của một số quốc gia trên thế giới và bài học đối với Việt Nam*. Tạp chí Kinh tế và Ngân hàng châu Á 146, 94-103.

[3]. Thủ tướng Chính phủ, 2017. *Quyết định số 1665/QĐ về Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025*. Ban hành ngày 30/10/2017, Hà Nội.

[4]. Gupta V.K, Bhawe N.M., 2017. *The influence of proactive personality and stereotype threat on women's entrepreneurial intentions*. Journal of Leadership Organizational Studies 13(4), 73-85.

[5]. Schwarz E.J, Wdowiak M.A, Almer-Jarz D.A., 2009. *The effects of attitudes and perceived environment conditions on students' entrepreneurial intent*. Education+Training 51(4), 272-291.

[6]. Liñán F, Rodríguez-Cohard J.C, Rueda-Cantuche J.M., 2011. *Factors affecting entrepreneurial intention levels: a role for education*. International entrepreneurship 7(2), 195-218.

[7]. Phan A.T., Trần Q.H., 2017. *Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp kinh doanh của sinh viên Trường Đại học Kỹ thuật Công nghệ Cần Thơ*. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ 48, 96-103.

[8]. Donckels R., 1991. *Education and entrepreneurship experiences from secondary and university education in Belgium*. Journal of small business entrepreneurship 9(1), 35-42.

[9]. Fayolle A., Gailly B., 2015. *The impact of entrepreneurship education on entrepreneurial attitudes and intention: Hysteresis and persistence*. Journal of small business management 53(1), 75-93.

[10]. Pablo-Lerchundi I., Núñez-del-Río M.C., González-Tirados R.M., 2015. *Career choice in engineering students: its relationship with motivation, satisfaction and the development of professional plans*. Anales de Psicología/Annals of Psychology 31(1), 268-279.

[11]. Morales-Alonso G., Pablo-Lerchundi I., Núñez-Del-Río M.C., 2016. *Entrepreneurial intention of engineering students and associated influence of contextual factors/Intención emprendedora de los estudiantes de ingeniería e influencia de factores contextuales*. Revista de Psicología Social 31(1), 75-108.

[12]. Thủy N.T., Hào C.T.M., 2017. *Hệ sinh thái khởi nghiệp - một số kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam*. Tạp chí Quản lý Kinh tế Quốc tế 97, 1-22.

[13]. Sesen H., 2013. *Personality or environment? A comprehensive study on the entrepreneurial intentions of university students*. Education + Training 55(7), 624-640.

[14]. Nguyễn Quốc Nghị, Mai Võ Ngọc Thanh, 2016. *Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành Quản trị kinh doanh tại các trường đại học ở thành phố Cần Thơ*. Tạp chí nghiên cứu khoa học 10, 55-64.

[15]. Hair J.F., Black W.C., Babin B.J., et al., 2006. *Multivariate data analysis 6th Edition*. New Jersey: Pearson Education.

[16]. Lorz M., Volery T., 2011. *The impact of entrepreneurship education on entrepreneurial intention*. Dissertation, The University of St.Gallen, School of Management, Economics, Law, Social Sciences and International Affairs.

[17]. Keat O.Y., Selvarajah C., Meyer D., 2011. *Inclination towards entrepreneurship among university students: An empirical study of Malaysian university students*. International Journal of Business Social Science 2(4), 206-220.

[18]. Ngọc L.T.P., 2019. *Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến dự định khởi sự kinh doanh của sinh viên trường Đại học khu vực tỉnh Quảng Ngãi*. Luận án Tiến sĩ, Viện Hàn lâm Khoa học và Xã hội Việt Nam.

#### AUTHOR INFORMATION

**Le Ba Phong**

Faculty of Tourism, Hanoi University of Industry